

NHU CẦU HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Hoàng Thị Thu Hà**

I. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Ba tiêu chí mà chúng tôi lựa chọn để khảo sát là:

1. Về chí hướng học tập

Số sinh viên Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) có chí hướng học tập ổn định chiếm tỷ lệ từ 63,1% đến 74,1% sinh viên. Không có sự khác biệt về chí hướng học tập giữa sinh viên nam và nữ, nhưng có sự khác biệt giữa sinh viên ở các khối, ngành học và khu vực khác nhau. Chí hướng học tập không phụ thuộc vào giới tính, nhưng lại bị chi phối bởi khối học, ngành học và khu vực. Đặc biệt, chí hướng học tập của sinh viên khối 1 cao nhất, khối 4 thứ hai và thấp nhất ở khối ba. Qua đó cho thấy: ở một số không ít sinh viên, chí hướng học tập đã không được nuôi dưỡng từ năm thứ nhất cho đến năm thứ ba do những tác động khách quan và chủ quan. Đồng thời cũng thấy được vai trò của công tác thực tập sư phạm trong việc phục hồi ý tưởng học tập ở sinh viên. Chí hướng học tập có tương quan thuận với kết quả học tập, tuy sự tương quan này chưa mạnh. Vì vậy, cần phải có những biện pháp tích cực nhằm giúp sinh viên nuôi dưỡng, củng cố chí hướng học tập, tiếp tục phát triển lên mức độ ý muốn và ý định học tập.

Kết quả khảo sát cho thấy ý hướng học tập của sinh viên ĐHSP TPHCM cao thể hiện ở giá trị trung bình 1,66. Không có điểm tối thiểu 0, có 70/806 sinh viên đạt điểm tối đa 2, thấp nhất 0,75 và được phân bố cụ thể:

+ Số sinh viên có chí hướng học tập thấp: điểm trung bình dưới 1,25 có 41/806 sinh viên chiếm 5%.

+ Số sinh viên có chí hướng học tập trung bình: điểm trung bình từ 1,25 đến 1,5 có 169/806 chiếm 21,06%.

* Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

+ Số sinh viên có chí hướng học tập cao: điểm trung bình từ 1,5 đến 1,75 là: 306/806 sinh viên chiếm 37,95%.

+ Số sinh viên có chí hướng học tập rất cao: điểm trung bình từ 1,75 đến 2 là: 290/806 sinh viên chiếm 35,94%.

2. Về ý muốn học tập

Kết quả khảo sát ý muốn học tập thống nhất với chí hướng. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có ý muốn học tập ổn định thấp hơn chí hướng, do một số sinh viên đã không duy trì và phát triển ý hướng học tập ổn định chưa cao, giao động trên dưới 50%. Không có sự khác nhau về ý muốn học tập giữa sinh viên khác giới, có sự khác nhau giữa sinh viên các khối, ngành, khu vực khác nhau.

Kết quả khảo sát cho thấy ý muốn học tập đạt mức trung bình thể hiện ở giá trị trung bình 1,46 (nhỏ hơn 1,50). Không có điểm tối thiểu 0; có 26/818 chiếm 3,13% sinh viên đạt điểm tối đa 2, điểm thấp nhất 0,50 và được phân bố ở biểu đồ 3.3 như sau:

+ Số sinh viên có ý muốn học tập thấp: điểm trung bình dưới 1,25 có 192/818 sinh viên chiếm 23,5%.

+ Số sinh viên có ý muốn học tập trung bình: điểm trung bình từ 1,25 đến 1,5 là 262/818 sinh viên chiếm 30,04%.

+ Số sinh viên có ý muốn học tập cao: điểm trung bình từ 1,5 đến 1,75 là 234/818 sinh viên chiếm 28,64%.

+ Số sinh viên có ý muốn học tập rất cao: điểm trung bình từ 1,75 đến 2 là: 104/818 sinh viên chiếm 12,74%.

3. Về ý định học tập

Kết quả khảo sát ý định học tập thống nhất với chí hướng và ý muốn học tập. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có ý định học tập ổn định thấp hơn so với chí hướng và ý muốn học tập, do một số sinh viên đã không duy trì và phát triển ý hướng lên ý muốn và từ ý muốn học tập thành ý định học tập. Tỷ lệ sinh viên ĐHSP TPHCM có ý định học tập ổn định chưa cao, giao động từ 11,2% đến 43,2%. Không có sự khác biệt ý định học tập giữa sinh viên khác giới, nhưng có sự khác biệt giữa sinh viên các khối, ngành, khu vực.

Kết quả khảo sát cho thấy ý định học tập của sinh viên ĐHSP TPHCM thấp, thể hiện ở giá trị trung bình 1,15 (nhỏ hơn 1,25 - mức đánh giá thấp). Được thể hiện cụ thể qua biểu đồ số 3.4 như sau:

- + Không có điểm tối thiểu 0 và tối đa 2, thấp nhất 0,50 và cao nhất là 1,75.
- + Số sinh viên có ý định học tập thấp: điểm trung bình từ 0,5 đến 1,25 có: 553/819 chiếm 67,5% chiếm đa số sinh viên.
- + Số sinh viên có ý định học tập trung bình: điểm trung bình từ 1,25 đến 1,5 có 220/819 sinh viên chiếm 26,9%.
- + Số sinh viên có ý định học tập cao: điểm trung bình từ 1,5 đến 1,75 có 43/819 sinh viên chiếm 5,2%.
- + Số sinh viên có ý định học tập rất cao: điểm trung bình từ 1,75 đến 2 là: 3/819 sinh viên chiếm 0,04%.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ NGHIÊN CỨU HỌC TẬP (NCHT) CỦA SINH VIÊN ĐHSP TPHCM VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG.

Nhìn chung, mức độ NCHT của sinh viên ĐHSP TPHCM chưa cao thể hiện cụ thể: chỉ hướng học tập cao, ý muốn học tập trung bình và ý định học tập thấp (ý định học tập biểu hiện mức độ cao nhất của NCHT). Đồng thời, tỷ lệ sinh viên có ý định học tập ổn định thấp.

Kết quả kiểm định T - Test: không có sự khác biệt về mức độ NCHT ở sinh viên nam, nữ. Kết quả kiểm định Anova: có sự khác biệt về mức độ NCHT giữa sinh viên ở các ngành, khối, học lực và khu vực khác nhau. Kết quả so sánh tương quan hạng (spearman): có tương quan thuận giữa các mức độ NCHT với học lực: hệ số tương quan chỉ hướng học tập với học lực 0,156; ý muốn học tập - học lực 2,94 và ý định học tập - học lực 0,375. Mối tương quan đó càng rõ khi nhu cầu học tập ở mức độ cao - ý định học tập.

- Nhiều sinh viên chưa ý thức được đối tượng, phương thức thỏa mãn NCHT chuyên nghiệp về nghề dạy học. Do vậy, chưa chuyển từ - chỉ hướng học tập sang ý muốn và đặc biệt là ý định học tập.

- Nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng được NCHT của sinh viên: Tỷ lệ sinh viên không hài lòng về nội dung chương trình học tập có 33,5%, về phương pháp giảng dạy có 36,2%, hình thức tổ chức dạy học có 39,6% và về phương tiện, điều kiện dạy học có 56,9%. Ngoài ra do tác động của hứng thú, động cơ học tập, lòng yêu nghề chưa cao, công việc làm thêm chiếm nhiều thời gian và làm mệt mỏi.

- Sự hấp dẫn của bài giảng, lòng yêu quý và kính trọng giảng viên, không khí thi đua học tập trong lớp, các câu lạc bộ học tập cũng có ảnh hưởng tích cực đến việc nâng cao mức độ NCHT của sinh viên. Vì vậy, việc phát động và duy trì các phong trào thi đua học tập là hết sức cần thiết, góp phần phát triển NCHT ở sinh viên.

III. KẾT LUẬN

1. NCHT của sinh viên sư phạm (SVSP) là NCHT chuyên nghiệp ở trình độ cao về nghề dạy học: là nhu cầu lĩnh hội hệ thống kiến thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo mới và cách thức tiếp cận chúng; đáp ứng yêu cầu chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, hướng tới việc rèn luyện và hoàn thiện nhân cách người giáo viên tương lai. Nó là thành tố cơ bản của động cơ học tập - manh tính nghề nghiệp, thúc đẩy sinh viên sư phạm tích cực học tập, nâng cao kết quả học tập.

Mức độ NCHT của sinh viên sư phạm thể hiện sự đòi hỏi cao đối với học tập chuyên nghiệp và trình độ cao về nghề dạy học. Trong bản thân người sinh viên sư phạm, được đánh giá thông qua việc ý thức trạng thái thiếu hụt của chủ thể, đối tượng và phương thức thoả mãn nó. Mức độ NCHT của sinh viên sư phạm tăng dần từ: chí hướng, ý muốn, ý định học tập chuyên nghiệp biểu hiện một cách ổn định về nghề dạy học ở trình độ cao. Mức độ NCHT của sinh viên sư phạm có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả học tập, rèn luyện nhân cách thầy giáo tương lai. Sự ảnh hưởng đó mạnh dần từ chí hướng, ý muốn và đặc biệt ở ý định học tập của sinh viên sư phạm.

2. Sự hình thành, phát triển NCHT của sinh viên sư phạm bị chi phối bởi một số nguyên tắc:

- NCHT của sinh viên sư phạm được hình thành, củng cố trong quá trình học tập chuyên nghiệp về nghề dạy học và thiết thực.

- NCHT được củng cố khi sinh viên sư phạm ý thức được ý nghĩa của việc học tập về nghề thầy giáo đối với bản thân và xã hội.

- NCHT của sinh viên sư phạm được phát triển khi thế giới đối tượng và phương thức thoả mãn nó phong phú.

- Một trong những điều kiện quan trọng để phát triển NCHT ở SVSP là hoạt động học tập phải kích thích tính sáng tạo.

3. Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng mức độ NCHT của sinh viên ĐHSPTP HCM chưa cao, không đồng đều và chưa bền vững : chí *hướng học tập cao*; ý *muốn học tập trung bình* và ý *định học tập thấp* (ý định học tập biểu hiện mức độ nhu cầu học tập cao nhất). Không có sự khác biệt NCHT giữa sinh viên khác nhau về giới tính, nhưng có sự khác biệt NCHT giữa sinh viên ở các khối, ngành, khu vực và học lực. Sự khác biệt NCHT của sinh viên các ngành tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ phản ánh một thực tế NCHT của sinh viên nghề dạy học bị chi phối bởi tính chuyên môn và của nhu cầu xã hội về chuyên môn đó. Sự khác biệt NCHT của SVSP có học lực khác nhau thể hiện sự tương quan giữa NCHT

với học lực: NCHT là nguồn gốc tính tích cực học tập vì vậy có ảnh hưởng quyết định đến học lực. Sự khác biệt NCHT của sinh viên ĐHSPTPHCM, Hà Nội và đại học Vinh cho thấy có sự ảnh hưởng nhất định của hoàn cảnh kinh tế xã hội, môi trường sống, truyền thống điều kiện giáo dục đối với NCHT.

4. Điều đáng chú ý là tỷ lệ SVSP có NCHT cao nhất ở khối I, giảm dần ở khối II, III và lại được tăng lên ở khối IV. Hiện tượng này được giải thích bởi sinh viên khối I mới vào trường đang khát khao tìm kiếm tri thức khoa học, sau một thời gian học tập đã được thỏa mãn ở mức độ nhất định, vì thế NCHT đã giảm dần ở sinh viên khối II và III. Tuy nhiên, ở khối IV do tác động của hoạt động thực tập sư phạm và yêu cầu bức thiết của hoạt động nghề nghiệp sắp tới nên khát khao tri thức nghề tăng, vì thế mức độ NCHT của sinh viên khối IV cao hơn so với khối II, III. Mặt khác, dạy học trong nhà trường chưa kích thích, củng cố NCHT.

5. Thực trạng mức độ NCHT của SVSP nêu trên do những nguyên nhân sau:

- Bản thân SVSP chưa ý thức đầy đủ về đối tượng và phương thức thỏa mãn NCHT chuyên nghiệp nghề dạy học. Vì vậy số lượng sinh viên có ý thức học tập cao hơn nhiều so với ý muốn học tập và số lượng sinh viên có ý muốn học tập cao hơn so với ý định học tập.

- Đa số sinh viên có nhu cầu học tập cao hơn đối với các môn ngoại ngữ, tin học thuộc nhóm đối tượng "công cụ", tiếp đến là các môn khoa học thuộc nhóm "chuyên ngành" và cuối cùng là các môn thuộc nhóm "nghề nghiệp".

- Nội dung chương trình, phương pháp, hình thức và phương tiện học tập chưa kích thích được sự phát triển NCHT ở sinh viên.

6. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy mức độ NCHT biểu hiện cụ thể ở ý hướng, ý muốn và ý định học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm đều được tăng lên rõ rệt so với sinh viên nhóm đối chứng. Thực nghiệm kiểm chứng cũng cho kết quả của các biện pháp tác động đã được xây dựng trong luận án.

Kết quả thực nghiệm cho thấy khi mức độ NCHT tăng thì kết quả học tập cũng tăng ở sinh viên nhóm thực nghiệm so với sinh viên nhóm đối chứng. Mối tương quan này càng rõ rệt khi mức độ NCHT càng cao. Điều này chứng tỏ có mối tương quan thuận giữa mức độ NCHT với kết quả học tập của sinh viên.

Các kết quả nghiên cứu trên đã chứng minh và khẳng định giả thuyết nghiên cứu của chúng tôi.

IV. KIẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu trên đây, để phát triển nhu cầu học tập của sinh viên sư phạm, nhằm góp phần nâng cao chất lượng học tập nói riêng và đào tạo nói chung, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị sau đây:

1. Nhu cầu học tập của sinh viên sư phạm là nguồn gốc tính tích cực học tập, quy định tính chất và chiều hướng hoạt động học tập có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả học tập. Vì vậy cần phải giáo dục cho sinh viên NCHT tích cực.

2. Trong quá trình giáo dục SVSP NCHT cần phải chú ý đến những yếu tố khách quan và chủ quan chi phối nó như:

Nhà trường sư phạm: trong quá trình đào tạo đội ngũ những người giáo viên tương lai cho đất nước cần phải thực hiện mối liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp trong hoạt động dạy học; chú trọng đến vấn đề tự học, tự đào tạo của sinh viên; tổ chức tốt công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên bảo đảm tính khoa học và khách quan. Thực hiện đồng bộ việc xây dựng nội dung chương trình phù hợp, thiết thực, sinh động và hiện đại; cải tiến phương pháp dạy học, thực sự hướng vào kích thích tính tích cực học tập của sinh viên; đa dạng, sinh động hóa các hình thức tổ chức dạy học; hiện đại hóa các phương tiện, điều kiện học tập. Đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc với các giáo viên giỏi.

Cán bộ giảng dạy: cần phải kích thích sinh viên NCHT sư phạm bằng cách cuốn hút họ với tư cách là chủ thể, vào hoạt động học tập, hình thành thói quen học tập trên cơ sở thiết kế bài học khoa học, thiết thực, sinh động; tổ chức hoạt động chiếm lĩnh kiến thức mới mang tính sáng tạo. Muốn vậy, mỗi giảng viên - nhất là các giảng viên dạy các môn thuộc nhóm nghiệp vụ sư phạm - phải thực sự thấm nhuần tính khoa học, tính thực tiễn, tính nghệ thuật và chuyển tải nó vào việc thiết kế mỗi giờ lên lớp.

Ngoài ra, cần tổ chức tốt công tác hướng nghiệp, giới thiệu về nghề dạy học, giúp học sinh có sự lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp.

Sinh viên sư phạm: với tư cách là chủ thể học tập phải nâng cao ý thức về nghề dạy học, ý nghĩa của việc học nghề dạy học đối với bản thân và xã hội: giác ngộ về động cơ, mục đích học tập chuyên nghiệp ở trình độ cao của nghề dạy học từ đó hình thành lý tưởng nghề nghiệp của những người giáo viên tương lai, nâng cao mức độ NCHT ở sinh viên sư phạm. Mỗi sinh viên sư phạm phải có nguyện vọng học nghề dạy học và ý thức rõ tính đặc trưng của đối tượng, phương thức thỏa mãn NCHT nghề dạy

học, nỗ lực bản thân trong quá trình học tập. Đặc biệt cần chú trọng hơn rèn luyện chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

3. Cần quan tâm chú ý hơn việc giáo dục NCHT đối với sinh viên khối II, III giúp họ nuôi dưỡng và phát triển NCHT, qua đó góp phần nâng cao kết quả học tập của bản thân.

4. Các biện pháp tác động sư phạm nhằm nâng cao mức độ NCHT của sinh viên sư phạm đã được xây dựng và thực nghiệm có thể được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy Tâm lý học Đại cương ở các trường sư phạm.